



BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 5652/TTTr-BNV

Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội (Tài liệu phục vụ Bộ Tư pháp thẩm định)

Kính gửi:

- Chính phủ;
- Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện Chương trình công tác năm 2023 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định hướng dẫn thi hành, Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ, các bộ, ban, ngành liên quan và các địa phương xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định); tổ chức lấy ý kiến các bộ, ban, ngành ở Trung ương, địa phương và hội; gửi Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định. Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, tổ chức, Bộ Nội vụ đã tiếp thu, chỉnh lý và hoàn thiện dự thảo Nghị định. Bộ Nội vụ trân trọng kính trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH THAY THẾ

1. Thực tiễn công tác quản lý nhà nước về hội trong thời gian vừa qua đã nảy sinh nhiều vấn đề bất cập về phương thức tổ chức, hoạt động của hội, chế độ chính sách của Nhà nước đối với hội và người làm việc tại hội, thiếu chế tài xử lý vi phạm, chưa rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước, công tác kiểm tra, quy trình, thủ tục thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội... chưa đảm bảo tính chặt chẽ; thiếu quy định việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội khi địa phương thay đổi địa giới hành chính các cấp.

2. Nhằm tạo điều kiện cho tổ chức, công dân Việt Nam thực hiện quyền lập hội, thể hiện đầy đủ quyền công dân, quyền và trách nhiệm của tổ chức; có chính sách hỗ trợ hội khi thực hiện nhiệm vụ được giao; minh bạch và đơn giản hoá một số thủ tục hành chính trong việc giải quyết các thủ tục về hội. Đồng thời tiếp tục thể chế quan điểm, chủ trương của Đảng về hội quần chúng, xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng thể hiện đầy đủ quyền công dân, tổ chức được quy định trong Hiến pháp 2013 và đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ của hệ thống các văn bản pháp luật hiện hành về hội, vừa đảm ứng nhu cầu quản lý nhà nước. Việc xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP là phù hợp trong giai đoạn hiện nay để giải quyết được các vấn

đề đang vướng mắc, phát sinh trong thực tiễn quản lý hội; đổi mới và nâng cao phương thức hoạt động của hội theo hướng tự chủ, tự quản, Nhà nước hỗ trợ kinh phí theo nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước và thực tiễn đang diễn ra.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Căn cứ chính trị

- Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về hội quần chúng; Kết luận số 158-TB/TW ngày 02/01/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Kết luận số 102-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XI về hội quần chúng trong tình hình mới;

- Quyết định số 118-QĐ/TW ngày 22/8/2023 của Ban Bí thư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương;

- Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6 (khóa XII) về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Chỉ thị số 24-CT/TW ngày 13/7/2023 của Bộ Chính trị về bảo đảm vững chắc an ninh quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng.

2. Căn cứ pháp lý

- Hiến pháp năm 2013 với tinh thần đề cao quyền làm chủ của Nhân dân, trong đó đã ghi nhận “Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định (Điều 25);

- Luật quy định quyền lập hội ngày 20 tháng 5 năm 1957;

- Nhiều luật được Quốc hội ban hành sau Hiệp pháp năm 2013 có quy định liên quan đến công dân, tổ chức Việt Nam, trong đó có các tổ chức: chính trị - xã hội, chính trị - xã hội - nghề nghiệp, xã hội - nghề nghiệp và tổ chức xã hội, như: Bộ luật Dân sự năm 2015; Bộ luật Lao động năm 2019; Luật Tổ chức Chính phủ 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Kế toán năm 2015; Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018; Luật Phòng chống rửa tiền năm 2022; Luật phòng chống khủng bố năm 2013; Luật Cán bộ, công chức năm 2008 và Luật Viên chức 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); Luật Doanh nghiệp năm 2020; Luật Đầu tư năm 2020;

- Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ.

3. Căn cứ thực tiễn

Sau hơn 13 năm thực hiện Nghị định số 45/2010/NĐ-CP đến nay, nhiều nội dung của Nghị định không còn phù hợp, chưa bao quát, điều chỉnh hết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn tổ chức, hoạt động của hội, cũng như công tác quản lý nhà nước đặt ra trong tình hình hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng. Mặt khác, Nghị định số 45/2010/NĐ-CP cũng đã được sửa đổi, bổ sung 01 lần tại Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; việc xây dựng Nghị định thay thế sẽ không phải thực hiện việc hợp nhất Nghị định và tránh trường hợp có đến 03 Nghị định về hội. Mặt khác nếu tiếp tục xây dựng một Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP sẽ gây khó khăn cho tổ chức, công dân Việt Nam khi tra cứu, tổ chức thực hiện; không thể hiện hết được các chủ trương của Đảng về hội quần chúng trong tình hình mới cũng như những phát sinh trong thực tiễn tổ chức, hoạt động của hội và yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hội.

III. QUAN ĐIỂM, YÊU CẦU XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH THAY THẾ

1. Quan điểm

a) Thể chế hóa chủ trương của Đảng về hội quần chúng, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân thực hiện quyền lập hội theo quy định của Hiến pháp năm 2013; bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hội trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân và quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng.

b) Tuân thủ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành; đảm bảo tính thống nhất đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với hội quần chúng;
- Nhà nước có cơ chế, chính sách nhằm phát huy vai trò của hội trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hội; đáp ứng tình hình thực tiễn tổ chức, hoạt động của hội và phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế;
- Hội tổ chức và hoạt động theo các nguyên tắc: Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ hội; tự nguyện, tự quản; dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch; không vì mục đích lợi nhuận; Hội không nhất thiết phải tổ chức thành hệ thống từ Trung ương đến cơ sở (cấp xã); sử dụng chung Điều lệ đối với hội có cùng lĩnh vực hoạt động chính; hội hoạt động ở cấp nào, chịu sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng và quản lý nhà nước của chính quyền cấp đó;

- Đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành và tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG

1. Thực hiện nhiệm vụ được giao và căn cứ Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về hội quần chúng, từ năm 2014 đến năm 2016, Bộ Nội vụ đã phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Năm 2017, năm 2018 thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ đã phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng Báo cáo đánh giá tác động dự thảo Nghị định, phối hợp với Bộ Tư pháp, Ủy ban Pháp luật của Quốc hội chỉnh lý hoàn thiện dự thảo Nghị định trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (Tờ trình số 4289/TTr-BNV ngày 28/8/2018). Năm 2019 tham mưu Ban Cán sự đảng Chính phủ ký Tờ trình Bộ Chính trị báo cáo xin ý kiến về một số chính sách đối với hội trong dự thảo Nghị định.

3. Trong thời gian Luật về hội cần được tiếp tục nghiên cứu theo ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. Để giải quyết một số bất cập trong quản lý, tổ chức và hoạt động của hội, Bộ Nội vụ đã báo cáo, đề xuất và được Thủ tướng Chính phủ đồng ý xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

4. Ngày 01/11/2021, Bộ Nội vụ đã thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng Nghị định (Quyết định số 1147/QĐ-BNV). Thành viên Ban soạn thảo, Tổ biên tập là đại diện Lãnh đạo và công chức một số bộ, cơ quan có liên quan trực tiếp đến các nội dung quy định cụ thể trong dự thảo Nghị định.

5. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp tục nghiên cứu xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP, hoàn thiện hồ sơ theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

a) Tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật;

b) Xây dựng dự thảo Nghị định, tổ chức họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng Nghị định để thống nhất nội dung dự thảo Nghị định; xây dựng các báo cáo: đánh giá tác động chính sách; đánh giá tác động thủ tục hành chính và báo cáo bình đẳng giới;

c) Tổ chức lấy ý kiến bộ, ban, ngành liên quan, địa phương và hội; đồng thời đăng tải dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Nội vụ. Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ Nội vụ đã nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo Nghị định;

d) Đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị định và tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp để trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

IV. NỘI DUNG CHÍNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Về kết cấu của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP gồm 08 Chương 48 điều, so với Nghị định hiện hành thêm 06 Điều.

Kết cấu của dự thảo Nghị định cụ thể như sau:

Chương I. Quy định chung, gồm 09 Điều (từ Điều 1 đến Điều 9);

Chương II. Thành lập hội, gồm 08 Điều (từ Điều 10 đến Điều 17);

Chương III. Tổ chức hội, gồm 05 Điều (từ Điều 18 đến Điều 22);

Chương IV. Hoạt động của hội, gồm 07 Điều (từ Điều 23 đến Điều 29);

Chương V. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ có thời hạn, giải thể và đổi tên hội, gồm 06 Điều (từ Điều 30 đến Điều 35);

Chương VI. Một số quy định đối với hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, gồm 06 Điều (từ Điều 36 đến Điều 41);

Chương VII. Quản lý nhà nước đối với hội, trong đó quy định trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, gồm 04 Điều (từ Điều 42 đến Điều 45);

Chương VIII. Điều khoản thi hành, gồm 03 Điều (từ Điều 46 đến Điều 48).

2. Những nội dung mới của dự thảo Nghị định

Về cơ bản các điều của dự thảo Nghị định đã được biên tập, sửa đổi, bổ sung để thể chế hoá chủ trương của Đảng, đảm bảo công tác quản lý của Nhà nước và vừa tạo điều kiện cho tổ chức, công dân Việt Nam thể hiện được quyền thành lập, tổ chức và hoạt động hội theo quy định của pháp luật:

2.1. Những nội dung thể chế hoá chủ trương của Đảng, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền về quyền và nghĩa vụ, chính sách, chế độ, hoạt động của hội nói chung và hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ nói riêng:

a) Về quyền và nghĩa vụ của hội:

Thể chế hóa chủ trương của Đảng về hội quần chúng; Quyết định số 118-QĐ/TW ngày 22/8/2023 của Ban Bí thư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương. Kế thừa một số nội dung đã thực hiện ổn định, không có phát sinh tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP về quyền, nghĩa vụ của hội. Đồng thời cập nhật, bổ sung những quy định của pháp luật chuyên ngành giao cho hội; đảm bảo tính cập nhật, ổn định, lâu dài khi pháp luật có sửa đổi, bổ sung những vấn đề mới. Điều 23, Điều 24, Điều 37 dự thảo Nghị định đã bổ sung quyền, nghĩa vụ của hội: được cấp chứng chỉ năng lực khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật (khoản 10 Điều 23) để phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành: ví dụ như Luật Xây dựng sửa đổi năm 2020; hội phải đăng ký mã số thuế và kê khai thuế theo quy định của pháp luật (pháp luật về thuế đã quy định) là tạo điều kiện để hội khi có hoạt động phát sinh chịu thuế có trách nhiệm và nghĩa vụ nộp thuế; bổ sung nội dung không công nhận, vinh danh, suy tôn, phong tặng các danh hiệu gây tranh cãi, nhầm lẫn với danh hiệu của Nhà nước; việc thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê; việc quy định này phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ trong việc quản lý nhà nước về hội (khoản 17 Điều 24); bổ sung

khoản 18 Điều 23, khoản 22 Điều 24 để tạo điều kiện cho hội được thực hiện theo quy định của pháp luật khác có liên quan khi có các văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau giao cho hội thực hiện một số nội dung mới;

b) Về thẩm quyền giải quyết các thủ tục về hội (trong đó có thẩm quyền phê duyệt điều lệ hội của Thủ tướng Chính phủ):

- Kết luận số 102-KL/TW đã quy định: “Về việc phê duyệt điều lệ của hội: Đối với những hội do Đảng và Nhà nước lập ra (hội có đảng đoàn) thì do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các hội khác do Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt”. Thể chế hóa nội dung này và căn cứ Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ; ý kiến của nhiều địa phương đề nghị có phân cấp hoặc ủy quyền giữa các cấp chính quyền địa phương về quản lý hội, Điều 15 (Thẩm quyền giải quyết các thủ tục về hội) dự thảo Nghị định đã phân cấp và bổ sung so với Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP, quy định 04 nội dung sau: (1) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều lệ hội có đảng đoàn phạm vi hoạt động toàn quốc; (2) Bộ trưởng Bộ Nội vụ giải quyết các thủ tục về hội (trong đó có việc phê duyệt điều lệ) đối với hội có phạm vi hoạt động toàn quốc hoặc liên tỉnh; (3) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải quyết các thủ tục về hội (trong đó có việc phê duyệt điều lệ) đối với hội hoạt động trong phạm vi tỉnh và (4) Chủ tịch UBND cấp huyện giải quyết các thủ tục về hội (trong đó có việc phê duyệt điều lệ) đối với hội hoạt động trong phạm vi huyện, xã. Đồng thời loại trừ một số trường hợp luật, pháp lệnh có quy định khác trong việc phê duyệt điều lệ hội như quy định tại Luật Luật sư, Luật Công chứng;

- Bổ sung nội dung sử dụng chung điều lệ đối với tất cả các hội có cùng lĩnh vực hoạt động chính (khoản 5 Điều 21): để thể chế hóa Kết luận số 102-KL/TW của Bộ Chính trị, đã quy định: “Nếu các hội ở cấp dưới thống nhất thừa nhận điều lệ của Hội ở Trung ương thì không cần xây dựng điều lệ riêng”.

c) Về chính sách của Nhà nước đối với hội:

Thể chế hóa đầy đủ chủ trương của Đảng tại Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014, Công văn số 226-CV/TW ngày 10/8/2015 của Bộ Chính trị và Kết luận số 158-TB/TW ngày 02/01/2020 của Ban Bí thư về hội quần chúng trong tình hình mới; Quyết định số 118-QĐ/TW ngày 22/8/2023 của Ban Bí thư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương, dự thảo Nghị định đã quy định chính sách chung của Nhà nước đối với hội (Điều 7); quy định cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ (Điều 8) để cơ quan tài chính có căn cứ hỗ trợ kinh phí theo nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao phù hợp với quy định của pháp luật; quy định chính sách riêng của Nhà nước đối với hội và người làm việc tại hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ (Điều 38, Điều 39):

(i) Điều 7 (Chính sách của Nhà nước đối với hội) quy định chung chính sách của Nhà nước theo hướng Nhà nước ban hành cơ chế chính sách để hội tham gia các hoạt động cung cấp dịch vụ, tư vấn; tham gia phản biện và giám

định xã hội; thực hiện chương trình, dự án, đề tài, đề án và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí theo quy định của pháp luật gắn với nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao;

(ii) Điều 38 (Chính sách của Nhà nước đối với hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ) quy định chính sách tương ứng với 02 nhóm đối tượng:

(1) Hội đã được ngân sách nhà nước cấp kinh phí hoạt động theo số biên chế đã được giao thì được ngân sách nhà nước đảm bảo trên cơ sở khoán kinh phí hoạt động theo số biên chế được giao và hỗ trợ cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động;

(2) Hội không được giao biên chế thì được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và đảm bảo được giao khoán kinh phí hoạt động, hỗ trợ cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động để duy trì hoạt động bộ máy;

(iii) Điều 39 (Chính sách đối với người làm việc tại hội tại hội): Kết luận số 102-KL/TW yêu cầu: “Có chính sách đãi ngộ phù hợp đối với người làm việc tại các hội”; Điều 7 về chế độ, chính sách đối với người làm việc thường xuyên tại hội tại Quyết định số 118-QĐ/TW ngày 22/8/2023 của Ban Bí thư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương. Thể chế hóa nội dung này và đồng thời tạo sự ổn định trong chế độ chính sách thù lao đối với người nghỉ hưu giữ chức danh chủ tịch, phó chủ tịch hội, dự thảo Nghị định quy định cụ thể chính sách, chế độ về tuyển dụng, sử dụng, quản lý và chế độ tiền lương, phụ cấp, thù lao, đào tạo, bồi dưỡng... phù hợp với từng loại đối tượng làm việc tại hội; trong đó người trong độ tuổi lao động trong chỉ tiêu biên chế thì được hưởng chế độ chính sách theo quy định đối với cán bộ, công chức; các đối tượng khác được hưởng chế độ, chính sách theo quy định hiện hành về thù lao và theo quy định của pháp luật về lao động;

d) Về chức trách, nhiệm vụ ban chấp hành, ban thường vụ, tiêu chuẩn, điều kiện chủ tịch, phó chủ tịch hội:

Thể chế hóa Quyết định số 118-QĐ/TW ngày 22/8/2023 của Ban Bí thư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương và qua quá trình thực hiện công tác quản lý nhà nước, cũng như tạo điều kiện để hội có cơ sở lựa chọn người đứng đầu hội đáp ứng yêu cầu trong hội nhập và phát triển đất nước; đồng thời đảm bảo những người giữ chức danh chủ tịch hội có thời gian, chuyên tâm cho công tác hội và tránh việc người quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của hội lại tham gia điều hành hội “vừa đá bóng vừa thổi còi”, trong dự thảo đã hạn chế đối tượng này tham gia làm chủ tịch hội, trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền đồng ý để giải quyết một số trường hợp đặc biệt. Theo đó, dự thảo Nghị định đã xây dựng Điều 22 quy định chức trách, nhiệm vụ của ban chấp hành, ban thường vụ; về tiêu chuẩn, điều kiện; quy định thẩm quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và trách nhiệm của chủ tịch, phó chủ tịch hội đối với tất cả các hội.

đ) Quy định chương riêng về hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ:

Kết luận số 102-KL/TW của Bộ Chính trị đã nêu: “Không xây dựng văn bản riêng đối với một số hội đã được công nhận là tổ chức chính trị - xã hội, hội có đảng đoàn và không quy định hội có tính chất đặc thù”; Văn bản số 226-CV/TW ngày 10/8/2015: “Đối với các hội do Đảng có nhu cầu, chỉ đạo thành lập và giao thực hiện các nhiệm vụ và các Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, Hội Xuất bản Việt Nam, Liên đoàn Luật sư Việt Nam, thì Nhà nước tiếp tục cấp kinh phí và tạo điều kiện để hoạt động”; Văn bản số 158-TB/TW ngày 02/01/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Kết luận số 102-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XI về hội quần chúng trong tình hình mới, có nội dung: “Đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện, thường xuyên của các cấp ủy, tổ chức đảng đối với các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ”; Quyết định số 118-QĐ/TW ngày 22/8/2023 của Ban Bí thư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương, trong đó có quy định danh sách hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương, cơ quan lãnh đạo hội... Theo đó, trên cơ sở thể chế hoá chủ trương của Đảng và kế thừa Chương VI (quy định về hội có tính chất đặc thù) của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung một số nội dung chuyển thành Chương VI (quy định về hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ), trong đó quy định cụ thể một số điều:

- Điều 36 xác định Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương và địa phương: Quy định danh sách 30 hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương; đồng thời giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ của địa phương để xác định hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở địa phương;

- Điều 37. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm vụ hội: Ngoài những quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm chung nhưng hội quần chúng khác thì hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ có một số quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm riêng;

- Điều 38, Điều 39: Quy định riêng về chính sách của Nhà nước đối với hội và người làm việc tại hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ;

- Thể chế hoá Điều 2, Điều 3, Điều 9, Điều 10, Điều 11 Quyết định số 118-QĐ/TW ngày 22/8/2023 của Ban Bí thư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương: Điều 40 quy định cơ quan lãnh đạo của hội gồm đại hội, ban chấp hành, ban thường vụ, thường trực hội; Điều 41 quy định về tiêu chuẩn Chủ tịch, phó chủ tịch và quy trình nhân sự đối với hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ để cơ quan nhà nước, tổ chức, công dân biết, thực hiện và lựa chọn; đồng thời quy định cụ thể số lượng phó chủ tịch chuyên trách để tránh việc bầu quá nhiều cấp phó, gây hiệu ứng không tốt trong dư luận xã hội, phù hợp với chủ trương của Đảng và đảm bảo công tác quản lý nhà nước.

2.2. Những nội dung thể chế chủ trương của Đảng để đảm bảo công tác quản lý nhà nước, an ninh, quốc phòng cũng như tạo điều kiện cho tổ chức, công dân Việt Nam khi lập hội, tổ chức và hoạt động của hội:

a) Nhóm quy định chung cho các hội:

- Điều 3 (Giải thích từ ngữ): Trên cơ sở kế thừa một số nội dung về hội tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và để thống nhất, tránh hiểu khác nhau về một số từ ngữ quy định về thuật ngữ về hội; không vì mục tiêu lợi nhuận; cơ sở dữ liệu hội;

- Để làm cơ sở triển khai, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu hội phù hợp với chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế, trong đó với quan điểm “Ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin trong tất cả các lĩnh vực, song có trọng tâm, trọng điểm. Ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính, cung cấp dịch vụ công, trước hết là trong lĩnh vực liên quan tới doanh nghiệp, người dân...”. Theo đó, dự thảo Nghị định quy định nguyên tắc trong xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về hội tại Điều 9 (Cơ sở dữ liệu về hội);

b) Nhóm quy định về thành lập hội:

- Nhằm đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự đảm bảo kinh phí và để hội có thể tổ chức và hoạt động phải có kinh phí, do đó Điều 10 (điều kiện thành lập hội) bổ sung một điều kiện so với Điều 5 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP: “Có tài sản để đảm bảo hoạt động của hội”;

- Thay đổi thẩm quyền công nhận ban vận động thành lập hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, huyện, xã (Điều 12) nhằm hoàn thiện các quy định để giải quyết các trường hợp phát sinh trong thực tiễn triển khai thực hiện Nghị định số 45/2010/NĐ-CP không quy định việc công nhận ban vận động thành lập hội có lĩnh vực hoạt động chính không chịu sự quản lý nhà nước của bộ, ngành hoặc cơ quan chính quyền địa phương về ngành, lĩnh vực chính hội dự kiến hoạt động và để thống nhất, đồng bộ các với các thủ tục về hội của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thể chế hóa Kết luận số 102-KL/TW của Bộ Chính trị về hội quần chúng và Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ;

- Để đảm bảo công tác chính trị nội bộ, an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, không để các thành phần lợi dụng thành lập hội để chống phá Đảng, Nhà nước, dự thảo Nghị định quy định tất cả các thành viên tham gia ban vận động thành lập hội phải có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đảm bảo sức khỏe và không có án tích; đồng thời liên quan đến phiếu lý lịch tư pháp, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công dân, tổ chức, đơn giản hóa các tài liệu trong các thủ tục hành chính, Nghị định quy định, thành viên ban vận động thành lập hội nếu thuộc diện quản lý của cấp có thẩm quyền và được cấp có thẩm quyền đồng ý thì không phải cung cấp phiếu lý lịch tư pháp trong hồ sơ công nhận ban vận động thành lập hội (điểm c khoản 1 Điều 12) và hồ sơ thành lập hội (điểm e, khoản 1 Điều 13);

- Dự thảo Nghị định bổ sung thêm thời gian cho phép thành lập hội từ 30 ngày làm việc lên thành 90 ngày làm việc. Thời gian cho phép thành lập hội tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP quy định là 60 ngày; theo Nghị định số 33/2012/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 45/2010/NĐ-CP còn 30 ngày làm việc. Tuy nhiên, qua tổng kết việc thực hiện Nghị định số 45/2010/NĐ-CP

thì việc quy định thời gian 30 ngày làm việc như Nghị định số 33/2012/NĐ-CP là không phù hợp với thực tiễn. Việc thành lập một tổ chức hội liên quan đến nhiều lĩnh vực quản lý của các bộ, ngành, đặc biệt là vấn đề đảm bảo các yếu tố quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội cần có thời gian để thẩm tra các điều kiện khi thành lập hội; mặt khác địa phương cũng đề nghị cần thêm thời gian xem xét trong quá trình cho phép thành lập hội. Do đó, quy định thời gian 90 ngày làm việc là phù hợp với thực tiễn hiện nay.

- Kế thừa và gộp nội dung Điều 15, Điều 16, Điều 17 và Điều 18 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP tích hợp thành Điều 17 dự thảo Nghị định quy định về hội viên; trong đó không quy định nội dung về hội viên là các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài tham gia làm hội viên chính thức, hội viên liên kết, hội viên danh dự. Do hiện nay theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật về đầu tư thì các Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thành lập tại Việt Nam là tổ chức Việt Nam. Mặt khác Kết luận số 102-KL/TW có quy định thí điểm kết nạp hội viên là các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài vào làm hội viên chính thức; Hiến pháp chỉ quy định quyền lập hội của công dân, tổ chức Việt Nam, do đó quy định các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài được tham gia làm hội viên chính thức cần phải được thể hiện bằng Luật nhằm tránh phát sinh nhiều vấn đề mới, phức tạp. Theo đó, dự thảo Nghị định quy định đối tượng hội viên là công dân, tổ chức Việt Nam là phù hợp với chủ trương của Đảng và pháp luật có liên quan.

c) Nhóm quy định về tổ chức của hội:

- Quy định về đại hội (Điều 19): Kế thừa các quy định về hồ sơ báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường và cách tính thời hạn tổ chức Đại hội từ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; Thông tư số 01/2022/TT-BNV ngày 16/01/2022 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2013/TT-BNV; bổ sung hồ sơ báo cáo tổ chức đại hội thành lập để hướng dẫn, hỗ trợ hội trong các khâu chuẩn bị tổ chức đại hội, đảm bảo sự thành công và phù hợp với quy định của pháp luật về hội; đồng thời tăng cường và nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước;

- Kế thừa nội dung Điều 12, Điều 13 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và tích hợp thành Điều 21 dự thảo Nghị định quy định về báo cáo kết quả đại hội, phê duyệt Điều lệ hội; bổ sung trường hợp điều lệ hội thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, thì hội có trách nhiệm gửi đề nghị phê duyệt điều lệ về Bộ Nội vụ để xem xét trình Thủ tướng Chính phủ theo quy định; đồng thời bổ sung trách nhiệm của Bộ Nội vụ có văn bản thông báo tính hợp pháp khi hội đã tổ chức đại hội thành công, đúng quy định, nhằm cung cấp thông tin, giải quyết các bất cập về tính pháp lý khi hội bầu ban chấp hành, ban kiểm tra, chủ tịch đáp ứng được yêu cầu, nguyện vọng cần có một cơ quan nhà nước xác nhận tính hợp pháp của đại hội mà hội đề nghị và tạo cơ sở pháp lý cho hội khi thực hiện giao dịch với các cơ quan, tổ chức.

d) Nhóm quy định về hoạt động của hội:

- Quy định về chi nhánh, văn phòng đại diện, chi hội, các phòng, ban chuyên môn và tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc hội: Kế thừa các quy định tại Điều 4, Điều 6 Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP và đảm bảo quyền của pháp nhân trong Bộ luật Dân sự, dự thảo Nghị định đã xây dựng Điều 25 Nghị định để thống nhất, đồng bộ trong một văn bản quy phạm pháp luật, tạo điều kiện cho hội thực hiện quyền, nghĩa vụ; đồng thời tạo điều kiện cho công dân, tổ chức tra cứu, thực hiện;

- Về tài chính, tài sản của hội (Điều 26): Nghị định số 45/2010/NĐ-CP chưa quy định vấn đề này. Do đó, dự thảo Nghị định quy định cụ thể về các khoản thu, chi, quản lý, sử dụng tài sản, tài chính, thực hiện công tác kế toán, kiểm toán, thống kê của hội nhằm đáp ứng nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch, tự đảm bảo kinh phí và để đảm bảo tính chặt chẽ trong công tác quản lý tài sản, tài chính của hội theo quy định của pháp luật về kế toán, kiểm toán, thống kê;

- Về kỷ luật và giải quyết phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ hội (Điều 28): Nghị định số 45/2010/NĐ-CP chưa quy định chưa rõ vấn đề này. Dự thảo Nghị định quy định về nguyên tắc kỷ luật trong nội bộ hội để tạo cơ sở pháp lý cho hội và giao hội ban hành quy chế kỷ luật trong nội bộ hội. Trên cơ sở kế thừa Điều 5 Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ và để giải quyết các bất cập trong quá trình hội hoạt động, phù hợp với quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo. Dự thảo Nghị định quy định việc giải quyết phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ hội do hội tự giải quyết, nếu không giải quyết được thì thực hiện theo quy định của pháp luật (đưa ra Tòa án xử lý).

đ) Nhóm quy định về đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ có thời hạn và giải thể hội:

- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP chưa quy định trường hợp hội chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể hội khi thay đổi địa giới hành chính. Dự thảo Nghị định đã bổ sung nội dung này để đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát sinh trong thời gian vừa qua; đồng thời đơn giản hoá thủ tục về các nội dung này, đặc biệt là trường hợp hội tự giải thể (khoản 4 Điều 31);

- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP chưa quy định cụ thể về các trường hợp hội bị giải thể và đình chỉ hoạt động có thời hạn đối với hội nên khó khăn khi giải quyết, xử lý khi hội vi phạm quy định của pháp luật; để tăng cường công tác quản lý nhà nước, có chế tài xử lý phù hợp. Dự thảo Nghị định bổ sung Điều 32 về đình chỉ hoạt động có thời hạn đối với hội, Điều 34 về hội bị giải thể, đồng thời quy định chi tiết các trường hợp hội bị đình chỉ hoạt động và giải thể hội tại Điều 29 (Xử lý vi phạm);

- Sửa đổi, bổ sung Điều 31 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP thành Điều 35 (Giải quyết tài sản, tài chính khi hội chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn, giải thể và thu hồi con dấu của hội) trong đó quy định chi tiết việc giải quyết tài sản, tài chính của hội khi hội bị đình chỉ, việc thanh toán các

khoản nợ khi hội giải thể; đồng thời bổ sung quy định về thu hồi con dấu của hội (khoản 8 Điều 35) để phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu.

e) Nhóm quy định về trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý nhà nước đối với hội:

Bổ sung rõ trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, trong đó có trách nhiệm của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tại Điều 42, Điều 43, Điều 44, Điều 45 dự thảo Nghị định; đồng thời bổ sung nhiệm vụ quản lý, cập nhật, phối hợp xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về hội tại khoản 12 Điều 42, điểm i khoản 1 Điều 43, khoản 14 Điều 44 và khoản 7 Điều 45 để đảm bảo đồng bộ, quản lý, chia sẻ cơ sở dữ liệu giữa các cơ quan liên quan.

g) Nhóm quy định về điều khoản thi hành: dự thảo Nghị định đã bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật đã được tích hợp vào dự thảo Nghị định; quy định điều khoản chuyển tiếp, hiệu lực thi hành và quy định mẫu trình bày văn bản trên cơ sở kế thừa toàn bộ mẫu trình bày văn bản tại Thông tư số 03/2013/TT-BNV của Bộ Nội vụ và bổ sung mẫu về sơ yếu lý lịch cá nhân; quyết định đình chỉ hoạt động có thời hạn và quyết định cho phép hội hoạt động trở lại... để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ khi thực hiện.

V. NHỮNG NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

1. Những nội dung tiếp thu

2. Những nội dung giải trình

VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)

Bộ Nội vụ trân trọng báo cáo và kính trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định ban hành Nghị định thay thế của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà (để b/c);
- Thứ trưởng Vũ Chiến Thắng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, TCPCP, G.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Vũ Chiến Thắng